

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền

Ông Nguyễn Việt Tác

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/HNGĐST- QĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Minh N, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Trần Minh N năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn của chúng tôi là

hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đến năm 2018 anh N đi lao động tại nước ngoài đến đầu năm 2024 anh N mới về nước. Quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, anh N thường xuyên tụ tập bạn bè không quan tâm, chăm lo đến vợ con. Từ khi anh N đi xuất khẩu lao động ở nước Đ thì vợ chồng ít khi liên lạc với nhau rồi dần mất liên lạc. Đầu năm 2024 anh N về Việt Nam nhưng chúng tôi không gặp nhau. Tôi và anh N cũng ly thân từ năm 2018 đến thời điểm hiện tại. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, tôi và anh N mỗi người đi làm một công việc, hiện nay không còn sống chung dưới một mái nhà. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Minh N.

- Về con chung: Tôi và anh Trần Minh N có 02 con chung tên là Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 và Trần Minh T, sinh ngày 09/11/2018.

Do hai con chung hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với bố và bà nội nên khi ly hôn tôi đề nghị giao cả hai con chung cho anh Trần Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi và tôi sẽ có trách nhiệm cùng anh N chăm lo cho hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Minh N yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với cháu Trần Quỳnh A với mức là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ một tháng, đối với cháu Trần Minh T anh N không yêu cầu. Do đó tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Minh N không có mặt mà chỉ có đơn xin trình bày ý kiến đề ngày 20/5/2024 gửi đến Tòa án trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận đã kết hôn với chị H vào năm 2016, đồng thời xác nhận việc anh và chị H không thể chung sống với nhau và anh N biết việc chị H làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án. Tuy nhiên hiện nay anh N đang đi làm ăn xa nên không thể về giải quyết tại Tòa án.

- Về con chung: Anh N xác nhận có 02 (Hai) con chung tên là Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 và Trần Minh T, sinh ngày 09/11/2018. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì hiện nay các con đang sinh sống ổn định tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng với anh và mẹ của anh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Minh N yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với cháu Trần Quỳnh A với mức là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ một tháng, đối với cháu Trần Minh T anh N không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không đề cập.

Ngoài ra anh Trần Minh N không trình bày gì thêm.

Do các bên đương sự không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Chị Dương Thị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm về những vấn đề của vụ án giống như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định, không có mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H. Cụ thể:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, Điều 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Dương Thị H được ly hôn với anh Trần Minh N. Về con chung: Giao các con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 và Trần Minh T, sinh ngày 09/11/2018 cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Dương Thị H phải cấp dưỡng cho cháu Trần Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000^d; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Minh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 10 tháng 6 năm 2024 Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự (bị đơn anh Trần Minh N không có mặt tại địa phương do đó đã được tổng đạt và niêm yết theo quy định). Ngày 28 tháng 6 năm 2024 Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Dương Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị Dương Thị H đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Trần Minh N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/12/2016. Chị H và anh N có quá trình tìm hiểu nhau trước và đi đến hôn nhân, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Mâu thuẫn vợ chồng là do hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên đi sớm về muộn, tụ tập rượu chè không quan tâm đến vợ con và hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu (từ năm 2018 đến nay). Trong thời gian ly thân hai người không ai quan tâm đến ai, hiện nay chị H và anh N không còn chung sống dưới một mái nhà. Chị H xác định có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh N. Thông qua việc xác minh, bà Nông Thị Th (Mẹ đẻ của anh Trần Minh N) xác nhận chị H và anh N có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài và anh N cũng nhất trí ly hôn với chị H. Tòa án cũng đã nhận được đơn xin trình bày ý kiến của bị đơn anh Trần Minh N, anh N khẳng định hiện nay anh và chị H không thể chung sống với nhau được. Như vậy có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị H đề nghị giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được HĐXX xem xét, chấp nhận.

- Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Trần Minh N có 02 (Hai) con chung tên là Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 và Trần Minh T, sinh ngày 09/11/2018. Các con chung đang sinh sống với anh N và bà nội tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. HĐXX xét thấy các con chung hiện nay khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu Trần Quỳnh A có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Trần Minh N, đồng thời cả hai vợ chồng đều nhất trí về việc cả hai con chung Trần Quỳnh A và Trần Minh T đều sống cùng với anh Trần Minh N. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung được có sự chăm sóc tốt nhất và việc học tập, sinh hoạt không bị xáo trộn, HĐXX xét thấy việc giao các con chung cho anh Trần Minh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị H nhất trí cấp dưỡng cho con chung tên là Trần Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo yêu cầu của anh Trần Minh N. Đối với con chung tên là Trần Minh T anh N không đề nghị do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Trần Minh N.

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung tên là Trần Quỳnh A, sinh ngày 30/9/2016 và Trần Minh T, sinh ngày 09/11/2018 cho anh Trần Minh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Dương Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với con chung tên là Trần Quỳnh A sinh ngày 30/9/2016 với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng được thực hiện theo Điều 357 và Điều 468 bộ Luật dân sự.

Chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Buộc chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình, 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003284 ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Dương Thị

H còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CDồn 02
- THADS huyện CDồn 01
- UBND xã Y 01
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Ngọc Anh

